TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 08 tháng 6 năm 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Quang và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hồng H và bà Đồng Thị Th; địa chỉ: Số 106 đường Duy Tân, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức N; địa chỉ: Số 203 đường Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V; địa chỉ: Thôn 2, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Đức N trình bày:

Ông Lê Hồng H và bà Đồng Thị Th có cho vợ chồng ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V mượn số tiền 105.000.000đ, thời hạn trả tiền là vào cuối năm 2015, giữa các bên có viết giấy mượn tiền ngày 22/5/2015 *dương lịch*. Lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng. Tại thời điểm cho mượn tiền, ông Kh và bà V đã tự tay viết giấy mượn tiền, trong đó có chữ ký của ông Kh và bà V, đồng thời hai ông, bà đã nhận đủ số tiền mượn là 105.000.000 đồng.

Khi vay ông Kh và bà V đã thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 525970 được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 12/12/2013. Thuộc thửa đất số 283, tờ bản đồ số

39, có diện tích 580m^2, địa chỉ tại xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H và bà Th đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Kh và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kh và bà V phải trả lại cho ông H và bà Th số tiền nợ gốc 105.000.000đ; nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại đơn trình bày ngày 04/6/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 105.000.000đ, nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2017 cho đến hết ngày xét xử là 46.602.000đ và tiếp tục tính tiền lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ.

Nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền ngày 22/5/2015, bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 thông báo cùng vào ngày 10/01/2016 về việc yêu cầu trả nợ và xác định mức lãi suất phải trả là 2%/tháng.

- *Ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

- *Kết quả xác minh của Tòa án:* Ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V có cư trú và hiện vẫn đăng ký thường trú tại thôn 2, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, nhưng đã đi khỏi địa phương từ năm 2020. Tại địa phương vẫn còn có cha bà V đang sinh sống và ông Kh và bà V vẫn còn đất và nhà.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V phải trả cho nguyên đơn số tiền 105.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, phù hợp với địa chỉ ghi trong Giấy mmợn tiền. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới, cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án huyện Ia Grai tiến hành niêm yết đơn khởi kiện và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú nêu trên, là nơi đang có tài sản và người thân thích của bị đơn, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại các điều 177, 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn là ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 22/5/2015 có chữ ký ghi tên Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V (bút lục 36) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tòa án đã tống đạt cho bị đơn bản sao của đơn khởi kiện

cùng với giấy vay tiền nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ là giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là có thật.

[4] Giấy mượn tiền ngày 22/5/2015 thể hiện số tiền mượn là 105.000.000đ, thời hạn trả nợ vào cuối năm 2015, tức ngày 31/12/2015, không thể hiện nội dung thỏa thuận về việc trả lãi.

[5] Hợp đồng vay tiền giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi đối với nợ gốc quá hạn theo khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005, là luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập giao dịch. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 có quy định việc tính lãi đối với nợ gốc quá hạn chưa trả kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ nên yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc quá hạn của nguyên đơn kể từ ngày 01/01/2017 là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 1 và điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, xét giao dịch đang được thực hiện của các bên phù hợp về nội dung và hình thức với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"* và *"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.* Theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất tại thời điểm giải quyết vụ án là 10%/năm.

[7] Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận, không có chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền nợ gốc, nợ lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 105.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 01/01/2017 với mức lãi suất 10%/năm là 46.602.000đ, tổng cộng 151.602.000đ và mức lãi suất tiếp tục phải chịu do chậm trả tiền là phù hợp với quy định tại các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Trong hợp đồng cho vay, các bên còn có nội dung thỏa thuận về thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến thỏa thuận thế chấp này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Bị đơn là người phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu (151.602.000đ x 5% =) 7.580.100đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Th và ông Lê Hồng H.

Buộc ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V phải trả cho bà Đồng Thị Th và ông Lê Hồng H số tiền nợ gốc 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng), nợ lãi 46.602.000đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), tổng cộng 151.602.000đ (một trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Lê Vũ Kh và bà Lê Thị Phi V phải nộp 7.580.100đ (bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đồng Thị Th và ông Lê Hồng H số tiền 5.239.500đ (năm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011809 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy